

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **73/2022/HC-ST**

Ngày: 29 - 8 - 2022

“V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Ngọc Tâm;
2. Ông Bùi Thế Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bế Văn Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 122/2022/TLST-HC ngày 28/6/2022, về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2022/QĐXXST-HC ngày 09/8/2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nông Thị Mỹ L, sinh năm 1968.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Liên gia M, tổ dân phố N, phường X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở: đường L, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Trần Hoàng H, sinh năm 1992 (Văn bản ủy quyền ngày 25/7/2022); địa chỉ: đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại T - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 05/7/2022); địa chỉ: đường Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phạm Văn T - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: đường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Hoàng Đình Nguyên B, sinh năm 1978; địa chỉ: đường B, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nông Thị Mỹ L có chồng là ông Hoàng Đình Nguyên V (ông V mất năm 2009), có em chồng là ông Hoàng Đình Nguyên B. Bà L cùng chồng sinh sống tại căn nhà thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 39, diện tích 229,4m².

Ngày 13/6/2013, ông Hoàng Đình Nguyên B được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 588577, đối với thửa đất số 125 (nay là thửa đất số 173 và 174), tờ bản đồ số 39, diện tích 229,4m² (trong đó có 108m² đất ở đô thị và 121,4m² đất trồng cây lâu năm).

Ngày 27/8/2019, UBND thành phố B ban hành Quyết định thu hồi đất số 5583/QĐ-UBND, về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Hồ thủy lợi E, phường A, thành phố B, trong đó thu hồi 1.317,7m² đất của ông Hoàng Đình Nguyên B, thuộc thửa đất số 173, 174, 74, tờ bản đồ số 39, tại phường A, thành phố B. Cùng ngày, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5614/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Hồ thủy lợi E, phường A, thành phố B (đợt 2), trong đó có bồi thường cho ông Hoàng Đình Nguyên B.

Ngày 15/9/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 6733/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Hồ thủy lợi E, phường A, thành phố B, trong đó có giao cho ông Hoàng Đình Nguyên B 01 thửa đất tái định cư tại Khu dân cư tổ dân phố S, phường T, thành phố B (thửa đất D1-9, diện tích 113,49m²).

Ngày 24/5/2022, UBND thành phố B ban hành Công văn số 1787/UBND-TTPTQĐ, về việc trả lời đơn của công dân, trong đó xác định trường hợp của bà Nông Thị Mỹ L không thuộc đối tượng bị thu hồi đất, không được bồi thường hỗ trợ về nhà ở nên không có cơ sở để xem xét, giải quyết về giao đất tái định cư.

**/ Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện bà Nông Thị Mỹ L và người đại diện theo uỷ quyền là ông Trần Hoàng H trình bày có nội dung như sau:*

Năm 2003, bố mẹ chồng của bà Nông Thị Mỹ L có cho bà L và chồng là ông Hoàng Đình Nguyên V một phần diện tích đất và vợ chồng bà xây dựng căn nhà nhỏ để ở tạm. Đến năm 2008, gia đình bà L xây rộng thêm nhà và đã ở ổn định trên đất bị thu hồi từ thời gian đó cho đến khi Nhà nước giải tỏa nhà ở. Do là anh em ruột trong nhà nên toàn bộ thửa đất này đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của em chồng bà L là ông Hoàng Đình Nguyên B. Khi Nhà nước thu hồi thì bồi thường cho em chồng bà L. Tuy nhiên, trên mảnh đất này có xây dựng 2 căn nhà (01 căn là của ông B và 01 căn là của vợ chồng bà L). Năm 2009, chồng bà L chết thì mẹ con bà L vẫn ở ổn định trên căn nhà này cho đến khi Nhà nước thu hồi đất.

Trên đất thu hồi có xây dựng căn nhà cấp 4, công trình phụ được gia đình bà L xây dựng từ năm 2008. Tại Quyết định số 5614/QĐ-UBND ngày 27/08/2014 của UBND thành phố B xác định nhà cấp 4 của gia đình bà và các công trình gắn liền với nhà ở được xây dựng vào năm 2008 mục đích để phục vụ sinh hoạt đời sống. Tuy nhiên, lúc đó cán bộ Trung tâm phát triển quỹ đất có giải thích là giấy tờ đất mang tên ông Hoàng Đình Nguyên B thì tài sản trên đất là căn nhà và công trình phụ của mẹ con bà L đang ở, thì bồi thường hết cho người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là ông Hoàng Đình Nguyên B. Do là người đồng bào dân tộc thiểu số, kiến thức pháp luật hạn hẹp nên bà L đã đồng ý nghe theo hướng dẫn của cán bộ nhà nước. Khi Nhà nước thu hồi đất và giải tỏa toàn bộ nhà ở của bà L, thì ông B được Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố mời lên nhận tiền bồi thường đất và tài sản trên đất (bao gồm cả phần nhà và đất của vợ chồng bà L), và em chồng bà L có chi trả lại tiền nhà và đất cho bà. Tuy nhiên, UBND thành phố B chỉ giao 01 thửa đất tái định cư cho gia đình em chồng, còn gia đình bà L không còn nhà ở, đất ở nào khác sau khi Nhà nước thu hồi đất, thì UBND thành phố B không xem xét giao một thửa đất tái định cư. Trong quá trình sử dụng căn nhà vợ chồng bà L có đóng góp các khoản tiền cho Nhà nước đầy đủ (có biên lai đóng góp cho địa phương).

Bà L đã làm đơn khiếu nại nhiều lần gửi UBND thành phố B, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, xem xét giao đất tái định cư để mẹ con bà L có chỗ ở ổn định sau khi Nhà nước giải tỏa nhà ở. Tuy nhiên, mãi đến ngày 24/5/2022 gia đình bà L mới nhận được Công văn số 1787/UBND TTPTQĐ của UBND thành phố B, về việc trả lời đơn của công dân, với nội dung cho rằng gia đình bà L không đủ điều kiện giao đất tái định cư vì gia đình bà không bị thu hồi đất. Việc trả lời này của UBND thành phố B là không đúng vì theo quy định tại Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 và Quyết định số 27/2019/QĐ ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk thì: *“Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở (kể cả trường hợp xây dựng gắn liền đất nông nghiệp, đất nhận khoán, đất nhận liên kết, đất lấn, chiếm của các Công ty nông, lâm nghiệp) nêu tại thời điểm thông báo thu hồi đất không có nhà ở, đất ở nào khác trong địa bàn huyện, thị xã, thành phố nơi có đất bị thu hồi thì được xem xét giao một thửa đất ở làm nhà ở có thu tiền sử dụng đất”*.

Căn cứ vào quy định nêu trên, gia đình bà L thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở khi Nhà nước thu hồi đất thì thuộc trường hợp có đủ điều kiện được nhà nước bố trí một thửa đất ở làm nhà ở có thu tiền sử dụng đất. Mặt khác, các hộ gia đình xung quanh nơi bà L ở có điều kiện hoàn cảnh như gia đình bà L vẫn được Nhà nước giao đất tái định cư để làm nhà ở. Hiện nay, mẹ con bà L vẫn phải thuê nhà ở, hoàn cảnh gia đình khó khăn cần một nơi ổn định, UBND thành phố B đã thực hiện sai nguyên tắc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, không đúng pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà. Do đó, bà L đề nghị Tòa án:

- Hủy một phần Quyết định số 5614/QĐ-UBND ngày 27/08/2014 của UBND thành phố B, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Hồ thủy lợi Ea Tam, thành phố B (đợt 2);

- Hủy Công văn số 1787/UBND-TTPTQĐ ngày 24/5/2022 của UBND thành phố B về việc trả lời đơn của công dân.

- Buộc UBND thành phố B giao cho gia đình bà L 01 lô đất tái định cư để gia đình làm nhà ở theo quy định của pháp luật.

**/ Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày có nội dung như sau:*

Căn cứ Quyết định số 2252/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ủy quyền cho UBND thành phố B ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các tổ chức, hộ gia đình cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình: Hồ Thủy lợi Ea Tam, thành phố B; Quyết định số 2102/QĐ-UBND ngày 31/7/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Hồ Thủy Lợi E, thành phố B; Quyết định số 5583/QĐ-UBND ngày 27/8/2014 của UBND thành phố B về việc thu hồi 1.317,7m² đất của ông Hoàng Đình Nguyên B sử dụng đất tại phường A, thành phố B để xây dựng công trình: Hồ thủy lợi E, thành phố B; Quyết định số 5614/QĐ-UBND ngày 27/8/2014, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Hồ thủy lợi E, phường A, thành phố B (đợt 2); Quyết định số 6733/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 về việc phê duyệt phương án tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Hồ thủy lợi E, phường A, thành phố B.

Ngày 27/8/2019, UBND thành phố B ban hành Quyết định thu hồi đất số 5583/QĐ-UBND, về việc thu hồi 1.317,7m² đất của ông Hoàng Đình Nguyên B sử dụng đất tại phường A, thành phố B và Quyết định số 5614/QĐ-UBND ngày 27/8/2014 của UBND thành phố B, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hồ thủy lợi E, phường A, thành phố B (đợt 2).

- Về thu hồi đất: Đối với Quyết định số 5583/QĐ-UBND ngày 27/8/2019 của UBND thành phố B, thu hồi 1.317,7m² đất ông Hoàng Đình Nguyên B tại phường A, thành phố B, để xây dựng công trình Hồ Thủy lợi E, được thực hiện đúng quy trình, đúng với khoản 1, Điều 75 Luật Đất đai; giá bồi thường, hỗ trợ về đất đúng với Quyết định số 2102/QĐ-UBND ngày 31/7/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

- Về nhà ở, các tài sản vật kiến trúc và cây cối hoa màu có trên thửa đất thu hồi đã được bồi thường, hỗ trợ đầy đủ, đúng quy định và ông Hoàng Đình Nguyên B đã nhận đủ tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án được phê duyệt, đã bàn giao mặt bằng cho Nhà nước thi công công trình.

- Về tái định cư: Nhà nước thu hồi của ông Hoàng Đình Nguyên B 1.317,7m² đất (Trong đó có 108m² đất ở và 1.209,7m² đất nông nghiệp). Hiện ông Hoàng Đình Nguyên B đã được giao 01 thửa đất tái định cư với diện tích 113,5m² tại tổ dân phố S, phường T theo đúng quy định.

Bà Nông Thị Mỹ L có chồng là Hoàng Đình Nguyên V (đã chết) là anh trai của ông Hoàng Đình Nguyên B (chủ sử dụng đất). Bà L đã có đơn kiến nghị gửi UBND thành phố B với nội dung đề nghị được giao 01 thửa đất không thông qua đấu giá để làm nhà ở, vì gia đình bà đã có nhà và trực tiếp ở trên thửa đất thu hồi từ năm 1998 đến nay, trên địa bàn thành phố B không có đất ở, nhà ở nào khác ngoài căn nhà tọa lạc trên diện tích đất của ông Hoàng Đình Nguyên B. Qua đó, UBND thành phố B đã chỉ đạo các ngành chuyên môn trực thuộc và chính quyền địa phương liên quan xác minh, kiểm tra các hồ sơ có liên quan, thì nhận thấy căn nhà, các tài sản có liên quan đều được bồi thường cho ông Hoàng Đình Nguyên B; hộ khẩu thường trú của hộ bà Nông Thị Mỹ L không cùng với địa chỉ thửa đất thu hồi, các ngành trực thuộc UBND thành phố B đã mời bà L đến làm việc đề nghị cung cấp bổ sung hồ sơ, nhưng bà L không cung cấp được giấy tờ chứng minh được căn nhà là của hộ bà L và đã từng sinh sống từ năm 1998 đến nay. Do đó, UBND thành phố B không có đầy đủ cơ sở để ban hành quyết định giao đất có thu tiền không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất cho hộ bà Nông Thị Mỹ L theo nội dung đơn kiến nghị. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

**/ Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Đình Nguyên B trình bày có nội dung như sau:* Ông B đồng ý với trình bày của người khởi kiện bà Nông Thị Mỹ L. Ông cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L, vì sau khi thu hồi đất và giải tỏa toàn bộ căn nhà của bà L, thì gia đình bà L không còn nhà ở, đất ở nào khác để ổn định đời sống. Sau khi nhận tiền bồi thường đất và tài sản trên đất thì ông đã chi trả lại phần tiền bồi thường nhà và đất cho bà L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định: Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng với quy định của pháp luật tố tụng hành chính; về nội dung: Qua tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã thể hiện bà L đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ đường L (nay là đường D), phường A; tại Biên bản xác minh ngày 22/8/2019, xác định bà L có hộ khẩu và đang ở trên thửa đất bị thu hồi mặt tiền đường D (thửa đất số 173, 174, tờ bản đồ số 39); đồng thời bà L cung cấp các Biên lai thu tiền ngày 24/7/2003, ngày 31/3/2010 và ngày 03/4/2010, thể hiện việc gia đình bà đã cư trú tại liên gia N, tổ C, phường A, thành phố B từ năm 2003 và có đóng thuế đất ở, đất nông nghiệp từ năm 2010. Tại Bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất ban hành kèm theo Quyết định số 5614/QĐ-UBND ngày 27/8/2019, thể hiện trên thửa đất thu hồi của ông Hoàng Đình Nguyên B có 02 căn nhà xây năm 1995 trên thửa đất số 173, 01 căn nhà xây năm 2008 trên thửa đất số 174. Như vậy, hộ bà L và hộ ông B có chung

quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 125, diện tích 229,4m² tại phường A (nay là thửa đất số 173, 174). Do đó, việc UBND thành phố B chỉ giao 01 thửa đất tái định cư cho ông B, không giao cho gia đình bà L 01 thửa đất tái định cư là không đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà L. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị Mỹ L; Hủy một phần Quyết định số 5614/QĐ-UBND ngày 27/8/2019 của UBND thành phố B, đối với phần giao đất tái định cư cho thửa đất của ông Hoàng Đình Nguyên B (thửa đất số 173, 174, tờ bản đồ số 39); Hủy Công văn số 1787/UBND-TTPTQĐ ngày 24/5/2022, của UBND thành phố B về việc trả lời đơn của công dân; Buộc UBND thành phố B phải giao cho gia đình bà Nông Thị Mỹ L 01 thửa đất tái định cư theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự và của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đối với người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND thành phố B và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Đình Nguyên B vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 157 và Điều 158 của Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

[1.2] Ngày 27/8/2019, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5614/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Hồ thủy lợi E, phường A, thành phố B (đợt 2), trong đó có bồi thường cho ông Hoàng Đình Nguyên B, đối với thửa đất số 173, 174, 74, tờ bản đồ số 39, tại phường A, thành phố B. Bà Nông Thị Mỹ L sinh sống trên căn nhà tại thửa đất trên.

Không đồng ý với Quyết định số 5614/QĐ-UBND ngày 27/8/2019, bà L nhiều lần khiếu nại, đề nghị được giao đất tái định cư. Ngày 24/5/2022, UBND thành phố B ban hành Công văn số 1787/UBND-TTPTQĐ về việc trả lời đơn của công dân, trong đó xác định trường hợp của bà Nông Thị Mỹ L không thuộc đối tượng bị thu hồi đất, không được bồi thường hỗ trợ về nhà ở nên không có cơ sở để xem xét, giải quyết. Như vậy, đây là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nông Thị Mỹ L, nên yêu cầu khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính. Ngày 22/6/2022, bà Nông Thị Mỹ L gửi đơn khởi kiện đến Tòa án là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý và đưa ra giải quyết

vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện UBND thành phố B cung cấp tài liệu, trong đó có bản sao Sổ hộ khẩu của bà Nông Thị Mỹ L ngày 15/8/2013, thể hiện bà L đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ đường L (nay là đường D), phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và bản sao đơn đề nghị về việc xác nhận thời gian ở trên thửa đất thu hồi của bà L, được Công an phường A xác nhận. Tại Biên bản xác minh ngày 22/8/2019, về việc xác minh chỗ ở của các hộ có đơn xin bố trí tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hồ thủy lợi E, thành phố B (địa bàn phường A đợt 1), trong đó xác định bà Nông Thị Mỹ L có hộ khẩu và đang ở trên thửa đất bị thu hồi mặt tiền đường D (thửa đất số 173, 174, tờ bản đồ số 39).

Bà Nông Thị Mỹ L cung cấp Biên lai thu tiền ngày 24/7/2003, Biên lai thu tiền ngày 31/3/2010 và Biên lai thu tiền ngày 03/4/2010, thể hiện việc gia đình bà đã cư trú tại liên gia N, tổ C, phường A, thành phố B từ năm 2003 và bà L có đóng thuế đất ở, đất nông nghiệp từ năm 2010. Bà L cung cấp phụ lục Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet băng thông rộng giữa bà với Công ty Cổ phần F- Chi nhánh Đắk Lắk, tại địa chỉ đường D, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Hoàng Đình Nguyên B cũng khẳng định rằng vợ chồng bà L được bố mẹ ông cho đất, đã xây dựng nhà trên đất và sinh sống ổn định trên diện tích đất bị thu hồi từ năm 2003 đến khi bị thu hồi đất; do là anh em ruột nên ông B đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với cả phần diện tích đất mà bố mẹ ông cho vợ chồng bà L và đứng ra nhận thay tiền đền bù nhà, đất cho gia đình bà L; tại thời điểm thu hồi đất, bà L không có nhà ở nào khác trong phạm vi xã, phường.

Bà L và ông B đều khẳng định năm 2003 vợ chồng bà L xây dựng căn nhà nhỏ để ở tạm trên đất, đến năm 2008 thì gia đình bà L xây rộng thêm. Tại Bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất ban hành kèm theo Quyết định số 5614/QĐ-UBND ngày 27/8/2019 của UBND thành phố B, thể hiện trên thửa đất thu hồi của ông Hoàng Đình Nguyên B có 02 căn nhà xây năm 1995 trên thửa đất số 173, 01 căn nhà xây năm 2008 trên thửa đất số 174.

Như vậy, lời trình bày của bà Nông Thị Mỹ L là phù hợp với lời trình bày của ông Hoàng Đình Nguyên B, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở xác định: bà L có xây dựng nhà trên đất thu hồi, có đăng ký hộ khẩu thường trú, ở ổn định trên đất từ đó đến nay và có thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước, nên có căn cứ xác định hộ bà Nông Thị Mỹ L và hộ ông Hoàng Đình Nguyên B có chung quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 125, tờ bản đồ số 39, diện tích 229,4m² tại phường A, thành phố B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 588577 (nay là thửa đất số 173, 174).

Việc Ủy ban nhân dân thành phố B cho rằng hộ khẩu thường trú của hộ bà Nông Thị Mỹ L không cùng với địa chỉ thửa đất thu hồi là không xem xét toàn diện các tài

liệu mà bà L cung cấp.

[2.2] Xét Quyết định số 5614/QĐ-UBND ngày 27/8/2019 của UBND thành phố B về phần hỗ trợ tái định cư: UBND thành phố B thu hồi đất của gia đình bà Nông Thị Mỹ L và gia đình ông Hoàng Đình Nguyên B, nhưng chỉ giao đất tái định cư cho ông Hoàng Đình Nguyên B, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất quy định: *“Trường hợp trong hộ gia đình quy định tại Khoản 1 Điều này mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở thu hồi thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất ở, nhà ở tái định cư và tình thực tế tại địa phương quyết định mức đất ở, nhà ở tái định cư cho từng hộ gia đình”*.

Tại khoản 2 Điều 6 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, ban hành kèm theo Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định: *“Việc giao đất tái định cư cho các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được quy định cụ thể như sau:*

1...

2. Trường hợp có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở bị thu hồi thì căn cứ vào quỹ đất của địa phương, mỗi hộ gia đình có chung quyền sử dụng thửa đất ở được xem xét giao một (01) thửa đất tại khu tái định cư để làm nhà ở có thu tiền sử dụng đất theo giá đất cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tại khu tái định cư đó.”

Như vậy, việc UBND thành phố B chỉ giao 01 thửa đất tái định cư cho ông B, không giao cho gia đình bà L 01 thửa đất tái định cư là không đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà L.

[2.3] Đối với Công văn số 1787/UBND-TTPTQĐ, ngày 24/5/2022 của UBND thành phố B, về việc trả lời đơn của công dân, xét thấy: Như đã phân tích trên, gia đình bà L đủ điều kiện để được giao 01 thửa đất tái định cư; UBND thành phố B cho rằng bà L không thuộc đối tượng bị thu hồi đất, không được bồi thường, hỗ trợ về nhà ở nên không xem xét giao đất tái định cư cho bà L, là không xem xét toàn diện, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L. Do đó, việc bà L yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 1787/UBND-TTPTQĐ ngày 24/5/2022, của UBND thành phố B là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Nông Thị Mỹ L; hủy một phần Quyết định số 5614/QĐ-UBND ngày 27/8/2019 của UBND thành phố B, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Hồ thủy lợi E,

phường A, thành phố B (đợt 2), đối với phần giao đất tái định cư cho thửa đất của ông Hoàng Đình Nguyên B; hủy Công văn số 1787/UBND-TTPTQĐ ngày 24/5/2022, của UBND thành phố B về việc trả lời đơn của công dân; đề buộc Ủy ban nhân dân thành phố B giao cho gia đình bà L 01 thửa đất tái định cư, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên người khởi kiện là bà Nông Thị Mỹ L không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp; người bị kiện UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng: Điều 69, Điều 74, Điều 79 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; khoản 2 Điều 6 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, ban hành kèm theo Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị Mỹ L.

1. Hủy một phần Quyết định số 5614/QĐ-UBND ngày 27/8/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố B, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Hồ thủy lợi E, phường A, thành phố B (đợt 2), đối với phần giao đất tái định cư cho thửa đất của ông Hoàng Đình Nguyên B (thửa đất số 173, 174, tờ bản đồ số 39); Hủy Công văn số 1787/UBND-TTPTQĐ ngày 24/5/2022, của Ủy ban nhân dân thành phố B, về việc trả lời đơn của công dân.

2. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải giao cho gia đình bà Nông Thị Mỹ L 01 thửa đất tái định cư theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Bà Nông Thị Mỹ L không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và được nhận lại 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp (do Trần Hoàng H nộp thay) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0020563 ngày 27/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Bình